

Số: /QĐ- SXD

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước
năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên đã phân bổ cho các đơn vị như sau:

- Số liệu theo phụ biểu công khai kèm theo.
- Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở và Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Sở Tài chính;
- Trang thông tin điện tử Sở XD;
- Lưu: VT, KHTC.

(Tuyetpta)

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Anh

Đơn vị: Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên

Mã chương: 419

BIỂU CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày /01/2026 của Sở Xây dựng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi nộp NS phí LP	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi NSNN	414.873.000
I	Kinh phí địa phương	122.915.000
1	Chi quản lý hành chính	25.515.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17.082.000
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.433.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế	96.086.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	96.086.000
3	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	1.314.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.314.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
II	Kinh phí Trung ương	291.958.000
1	Chi quản lý hành chính	
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	291.958.000
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	291.958.000
3	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	0
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia	0
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ngân sách TW	